TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HS-ST
Ngày 17/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Xuân Dệt

2. Bà Trần Thị Thuý Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên

Trong 17 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2023/TLST - HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 31/2023/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

NGUYỄN T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 11 tháng 11 năm 1992 tại Gia Lai; nơi cư trú: Thôn 04, xã IT, huyện IG, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:Việt Nam; con ông Nguyễn C, sinh năm 1966 và bà D Thị T, sinh năm 1966; bị cáo có vợ tên Cao Thị H, sinh năm 1991 và 01 con, sinh năm 2020, nhân thân xấu;

- Ngày 28 tháng 12 năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện IG, tỉnh Gia Lai xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tại Bản án số 48/2017/HSST; chấp hành án tại nhà tạm giữ Công an huyện IG, tỉnh Gia Lai. Ngày 22 tháng 01 năm 2018, chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 28 tháng 8 năm 2020 bị cáo đã thi hành xong tiền án phí hình sự và tiền án phí dân sự.

- Ngày 22 tháng 01 năm 2021, bị Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Kon Tum xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tại Bản án số 03/2021/HSST; chấp hành án tại Trại giam ĐT, Bộ Công an. Ngày 20 tháng 9 năm 2022, chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa thi hành các nghĩa vụ khác trong bản án.

Tiền án: 01; Tiền sự: Không.

Nguyễn T bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15 tháng 11 năm 2022 đến nay, hiện đang bị

tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trần Văn A, sinh năm 1968; địa chỉ: 48 HS, xã DP, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hà Trọng D, sinh năm 1986; địa chỉ: 32 PH, tổ 06, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Bà Trần Thị Mỹ D1, sinh năm 1970; địa chỉ: 225 LD, tổ 06, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn T là người đã bị kết án về tội *"Trộm cắp tài sản"* và chưa được xóa án tích; Nguyễn T và đối tượng Vũ Thanh T1 có quan hệ quen biết và cùng có sử dụng chất ma túy. Nguyễn T khai: Sáng ngày 11 tháng 11 năm 2022, Nguyễn T và Thanh T1 đi xe ô tô khách từ huyện IG đến thành phố P để mua ma tuý sử dụng. Sau khi cùng sử dụng ma túy xong, Nguyễn T khởi xướng và rủ Thanh T1 đi tìm cơ hội trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài; Thanh T đồng ý. Cả hai đi bộ trên đường HS, xã DP, thành phố P, phát hiện nhà số 48 của gia đình ông Trần Văn A khóa cửa và không có người trông coi, nên thống nhất đột nhập vào để trộm cắp tài sản. Lúc này khoảng 08 giờ ngày 11 tháng 11 năm 2022, Nguyễn T và Thanh T1 đi vào đường hẻm bên cạnh nhà ông A, rồi Nguyễn T đứng ngoài cảnh giới để Thanh T1 cạy phá cửa sau đột nhập vào trong, trộm cắp được xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu xanh-đen, biển số 81B1-709.03 dắt ra ngoài. Sau đó, Thanh T1 điều khiển xe mô tô 81B1-709.03 vừa chiếm đoạt được của ông A chở Nguyễn T đến đoạn giao nhau giữa đường TXS và đường LTT, phường IK, thì dừng lại. Cả hai mở cốp xe mô tô 81B1-709.03 ra kiểm tra, thì thấy bên trong có Giấy đăng ký xe mô tô 81B1-709.03 đứng tên ông Trần Văn A, Giấy phép lái xe mô tô, Căn cước công dân của ông A và một số giấy tờ khác. Nguyễn T giữ lại Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe, Căn cước công dân của ông A và vứt bỏ các giấy tờ còn lại bên lề đường. Tiếp đó, Thanh T1 điều khiển xe mô tô mô tô 81B1-709.03 chở Nguyễn T đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến đường CMTT, phường HL, thành phố P, cả hai gặp Hà Trọng D - là người quen của Thanh T1; Thanh T1 mượn căn cước công dân của D và nhờ D đi cầm cố xe mô tô 81B1-709.03 vì Thanh T1 không mang theo Căn cước công dân. D đồng ý và dẫn Thanh T1, Nguyễn T đến cơ sở cầm đồ MD do bà Trần Thị Mỹ D1 làm chủ để cầm cố xe mô tô 81B1-709.03. Khi đến nơi, Nguyễn T và D đi vào làm thủ tục cầm cố xe mô tô 81B1-709.03 cùng với Giấy đăng ký xe mang tên Trần Văn A cho bà D1, lấy số tiền 8.000.000 đồng. Số tiền cầm cố xe mô tô 81B1-709.03 mà có, Nguyễn T và Thanh T1 chia nhau mỗi người 4.000.000 đồng sử dụng tiêu xài. Trước khi rời đi, Nguyễn T vứt Giấy phép lái xe và Căn cước công dân của ông Trần Văn A vào gốc cây gần cơ sở cầm đồ MD.

Đối với ông Trần Văn A, sau khi phát hiện bị kẻ gian cạy cửa đột nhập vào nhà và chiếm đoạt xe mô tô 81B1-709.03, thì đã đến Công an xã DP, thành phố P trình báo. Sau khi tiến hành các biện pháp xác minh ban đầu, Công an xã DP đã chuyển vụ việc đến Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an thành phố P để làm rõ, xử lý. Đối với Hà Trọng D, sau khi giúp Vũ Thanh T1 và Nguyễn T cầm cố xe mô tô 81B1-709.03 tại cơ sở cầm đồ MD, thì nhìn thấy việc Nguyễn T vứt một số giấy tờ vào gốc cây gần đó; D đến nhặt, kiểm tra thì thấy là Giấy phép lái xe và Căn cước công dân mang tên Trần Văn A. D nghi ngờ xe mô tô 81B1-709.03 mà Thanh T1 và Nguyễn T vừa cầm cố có nguồn gốc bất hợp pháp, nên ngay sau đó đã đến Công an phường HT, thành phố P trình báo, đồng thời giao nộp Giấy phép lái xe, Căn cước công dân mang tên Trần Văn A vừa nhặt được. Trên cơ sở nội dung trình báo của D, sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đến làm việc với bà Trần Thị Mỹ D2 và thu giữ xe mô tô 81B1-709.03 cùng Giấy đăng ký xe mang tên Trần Văn A.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022 Nguyễn T đã đầu thú và khai nhận về việc cùng với Vũ Thanh T1 lén lút đột nhập, chiếm đoạt xe mô tô 81B1-709.03 tại nhà số 48 đường HS, xã DP, thành phố P vào ngày 11 tháng 11 năm 2022. Trên cơ sở lời khai và chỉ dẫn của Nguyễn T, Cơ quan điều tra tiến hành xác định địa điểm Nguyễn T vứt bỏ các giấy tờ lấy từ trong cốp xe mô tô 81B1-709.03 và thu giữ được: 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Căn cước công dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Thị Tuyết M; 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Trần Văn A; 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Căn cước công dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Phạm Thị Hồng V; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81F9-1501.

Theo Kết luận định giá tài sản số 185/KL -HĐĐGTS ngày 22 tháng 11 năm 2022 xác định: "*01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, số khung : FC30FY143726, số máy: 1FC3143730, màu sơn xanh đen, BKS: 81B1-709.03, mua vào năm 2016 với giá 25.5000.000 đồng, sử dụng đến ngày 11/11/2022 thì bị chiếm đoạt (tài sản thu hồi được). Tính đến thời điểm bị chiếm đoạt tài sản trên đã sử dụng được khoảng 06 năm; trạng thái xe: Đang lưu hành; giá trị tại thời điểm chiếm đoạt: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)*."

Xe mô tô trên sau khi định giá được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P trả lại cho bị hại An cùng với Giấy đăng ký xe, Căn cước công dân và các giấy tờ thu giữ được trên cơ sở lời khai và chỉ dẫn của Nguyễn T.

Tại bản cáo trạng số 53/CT -VKS ngày 07 tháng 3 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Nguyễn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Nguyễn T thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo đồng ý với nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P nêu trong bản cáo trạng. Bị cáo và bị hại không có ý kiến gì về Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xét xử bị cáo Nguyễn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" và đề xuất áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Tái phạm*" theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Thành khẩn khai báo*", "*Đầu thú*" quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và các Điều

38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức án từ 1 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường và chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã nhiều lần xác minh, truy tìm nhưng vẫn chưa làm việc được với đối tượng Vũ Thanh T1. Đến nay, ngoài lời khai của Nguyễn T, thì Cơ quan điều tra chưa thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh Vũ Thanh T1 là đồng phạm với Nguyễn T trong vụ chiếm đoạt xe mô tô 81B1-709.03 của ông Trần Văn A vào ngày 11 tháng 11 năm 2022. Do vậy, Cơ quan điều tra chưa có đủ cơ sở để thực hiện việc khởi tố, truy nã đối với Vũ Thanh T1 mà tiếp tục xác minh, truy tìm, khi nào làm việc được với Vũ Thanh T1, sẽ làm rõ và xử lý sau.

Đối với Hà Trọng D, là người đã giúp bị can Nguyễn T và đối tượng Vũ Thanh T1 cầm cố xe mô tô 81B1-709.03, qua điều tra xác định: D không hứa hẹn trước về việc sẽ giúp Nguyễn T và Vũ Thanh T1 cầm cố tài sản do trộm cắp mà có; khi nhận lời và giúp Nguyễn T, Vũ Thanh T1 cầm cố xe mô tô 81B1-709.03, D không biết xe trên là tài sản do phạm tội mà có; bản thân D không được hưởng lợi gì từ việc này. Mặc khác, sau khi nghi ngờ xe mô tô 81B1-709.03 có nguồn gốc bất hợp pháp, D đã kịp thời đến Cơ quan Công an trình báo. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý về hình sự đối với D về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có trong vụ án này, là có căn cứ.

Đối với bà Trần Thị Mỹ D2, là người nhận cầm cố xe mô tô 81B1-709.03, qua điều tra xác định: Bà D2 làm nghề nhận cầm cố, thế chấp tài sản; khi nhận cầm cố xe mô tô 81B1-709.03, bà D2 không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý về hình sự đối với bà D2 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có trong vụ án này, là có căn cứ.

Đối với hành vi cùng với Vũ Thanh T1 sử dụng trái phép chất ma túy do Nguyễn T khai nhận, đã bị Công an TP.P xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền.

[2] Về hành vi của bị cáo: Khi phát hiện nhà ông Trần Văn A tại 48 HS, xã DP, thành phố P, tỉnh Gia Lai đóng cửa, không có người trông nhà, Nguyễn T cùng Vũ Thanh T1 lén lút cạy cửa,

đột nhập và lấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 81B1 -709.03 có trị giá qua định giá là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 được quy định như sau "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*". Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp được Hiến pháp và pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người đã thành niên, có khả năng lao động, hoàn toàn nhận thức được hành vi bản thân đã thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vì ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức kém, coi thường tính nghiêm minh của pháp luật nên cố ý thực hiện hành vi.

Bản thân Nguyễn T nhiều lần chấp hành án phạt tù về tội Trộm cắp tài sản, gần nhất ngày 20 tháng 9 năm 2022 bị cáo chấp hành xong 24 tháng tù của Bản án số 03/2021/HSST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Kon Tum, chưa được xoá án tích tiếp tục trộm cắp tài sản đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Tái phạm*" theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nhằm mục đích cảnh tỉnh, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã đầu thú và thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội cùng đối tượng Vũ Thanh T, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Văn A đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ D2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng đã nhận cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 81B1 -709.03, tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn T đồng ý bồi thường cho bà D2 số tiền này.

[4] Về xử lý vật chứng: Toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P trả lại cho bị hại A phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xử lý đối với vật chứng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn T.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn T phạm tội "***Trộm cắp tài sản***"

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 15 tháng 11 năm 2022.

- Áp dụng Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn T bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ D2 số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ
VÕ THỊ THANH THUÝ